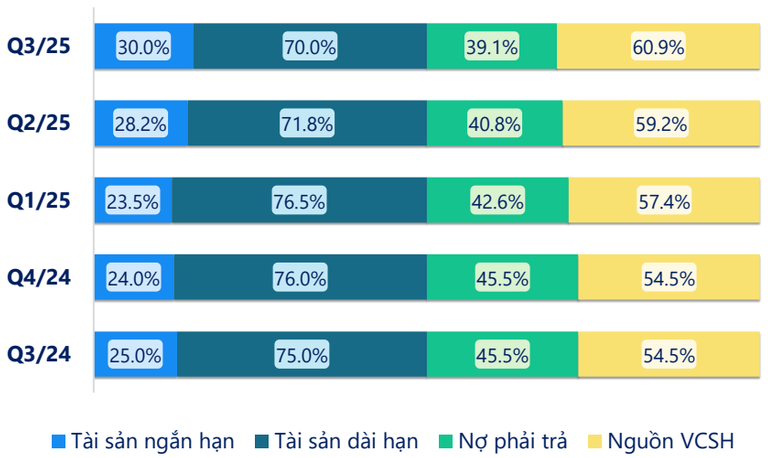
FireAnt

# CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)

| Thông tin giao dịch | 30/09/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 53,800 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 64,400 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 30,402 |
| SL cổ phiếu LH | 168,861,212 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 2,118,710 |
| % sở hữu nước ngoài | 8.4% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 9,085 |
| P/E | 7.7 |
| EPS | 6,983 |

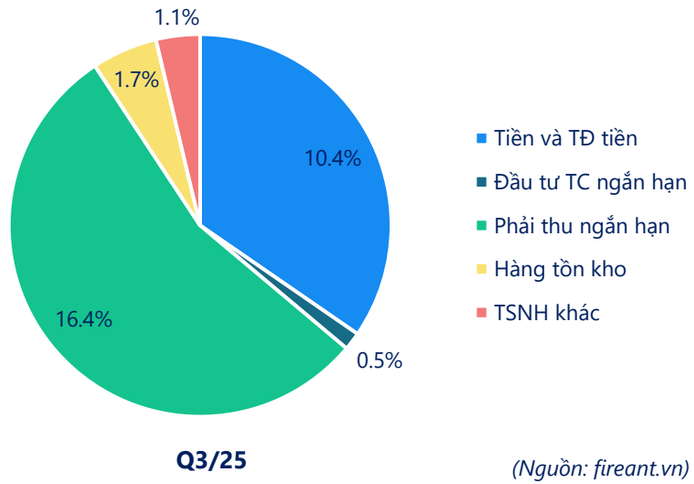
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| HAH | 43.3% | -6.4% | 1.7% | 34.0% |
| VNINDEX | 30.9% | -1.2% | 20.2% | 26.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



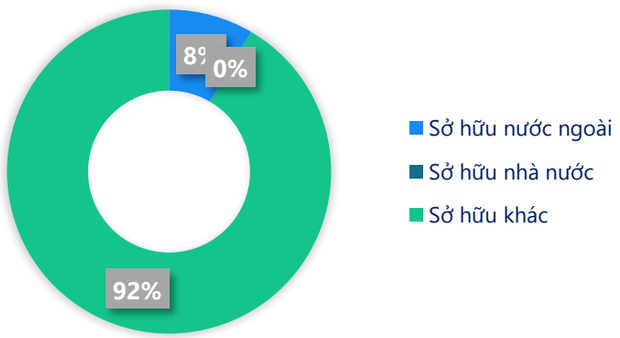

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



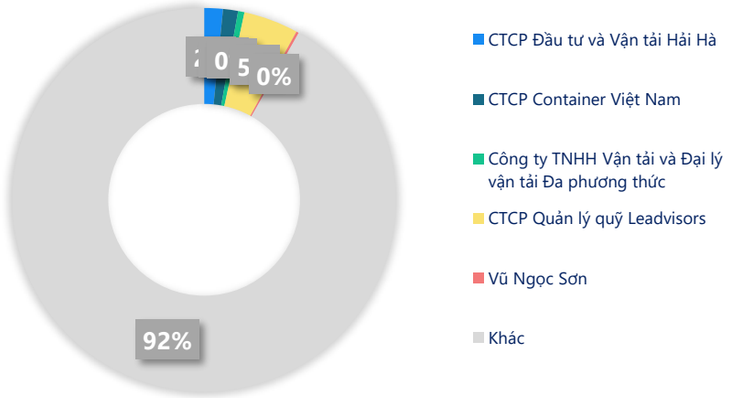

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



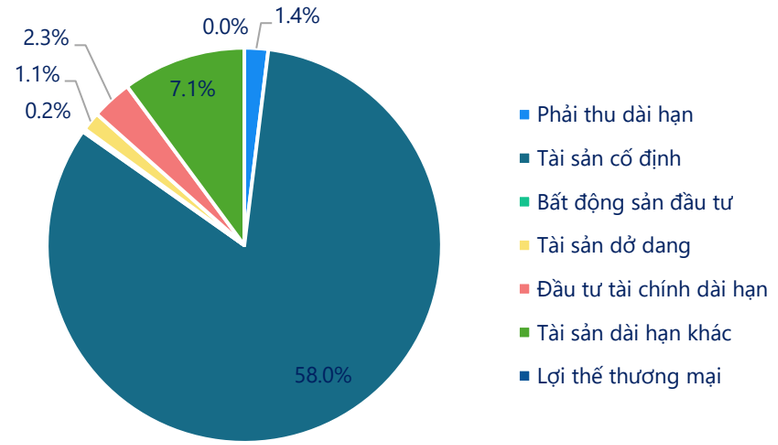

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

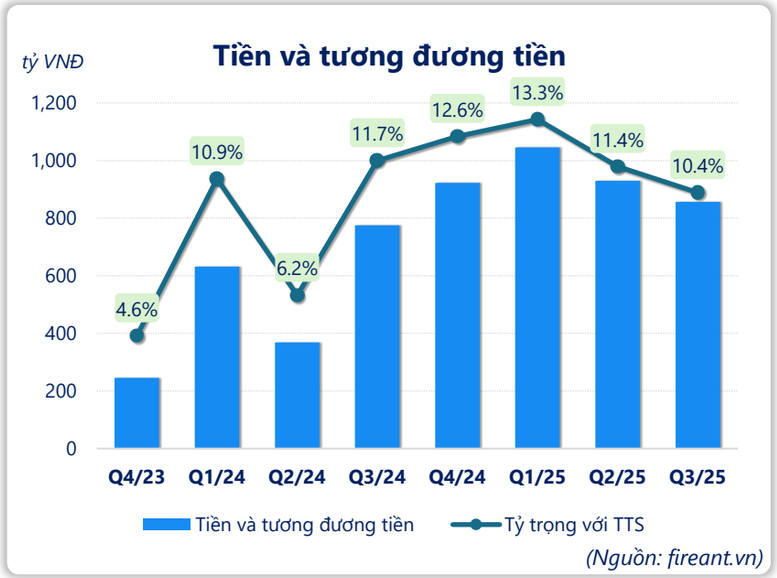
## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



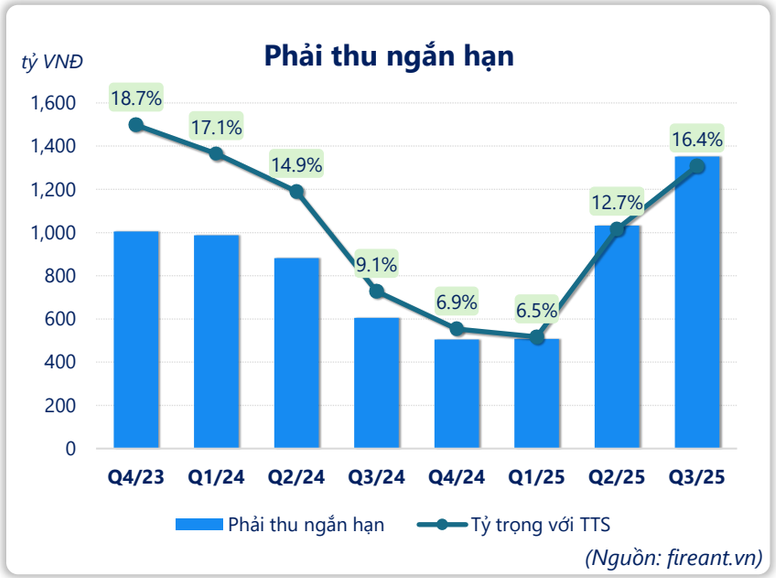

*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

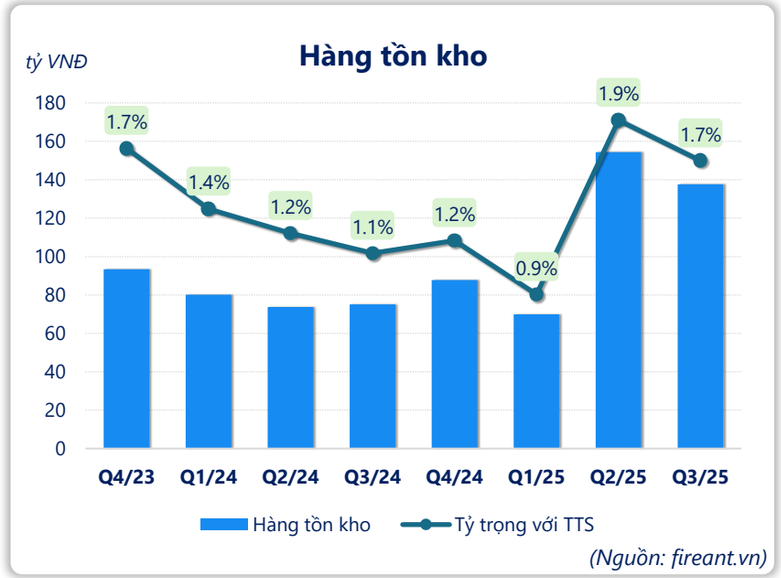
# CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)



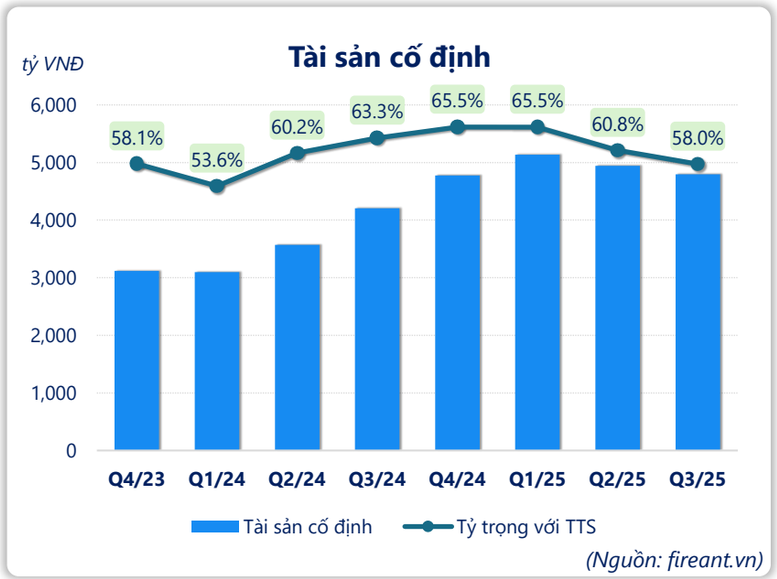

*(Nguồn: fireant.vn)*



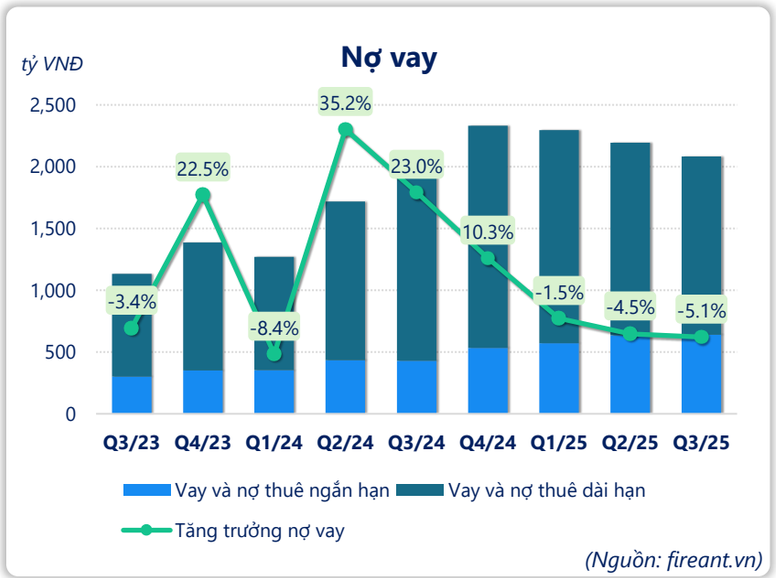

*(Nguồn: fireant.vn)*



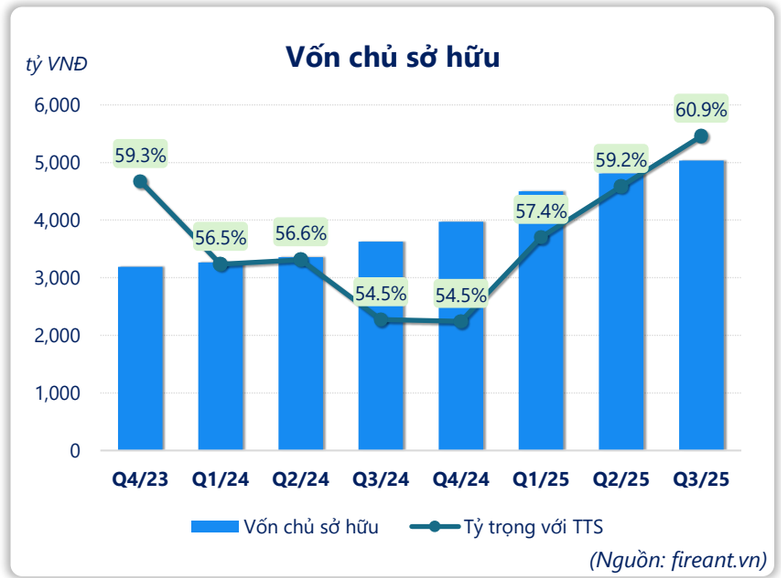

*(Nguồn: fireant.vn)*




*(Nguồn: fireant.vn)*




*(Nguồn: fireant.vn)*



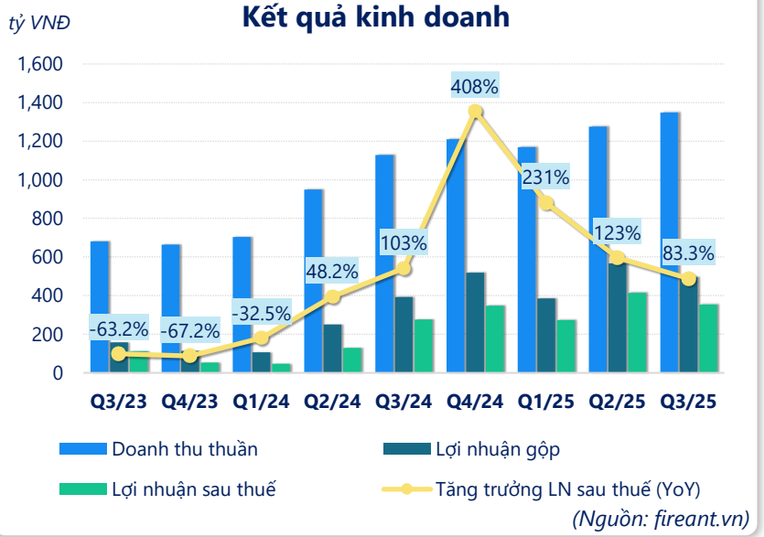

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

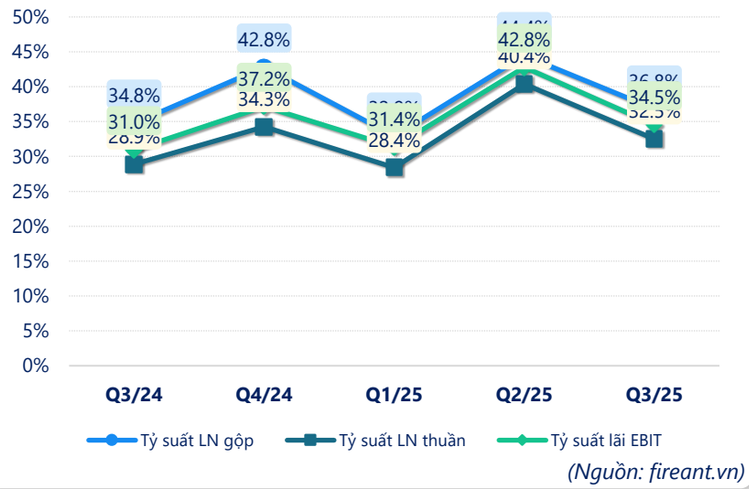
# CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)

## Kết quả kinh doanh



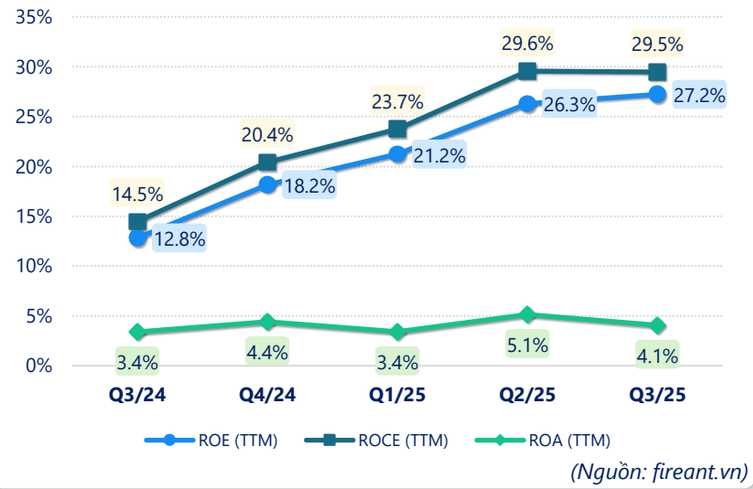

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



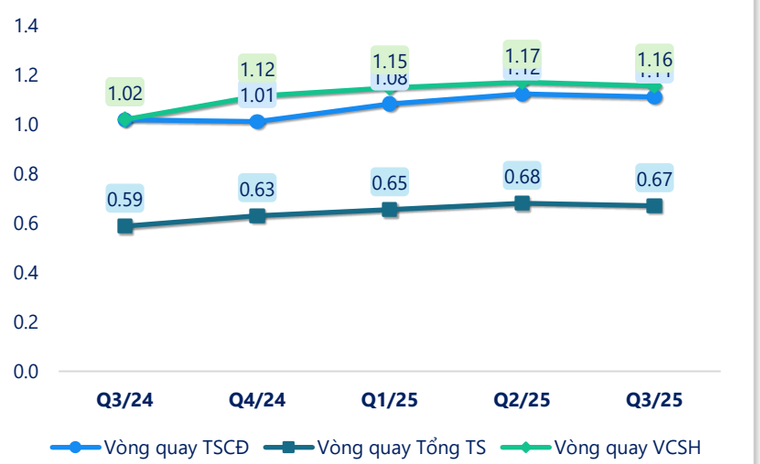

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



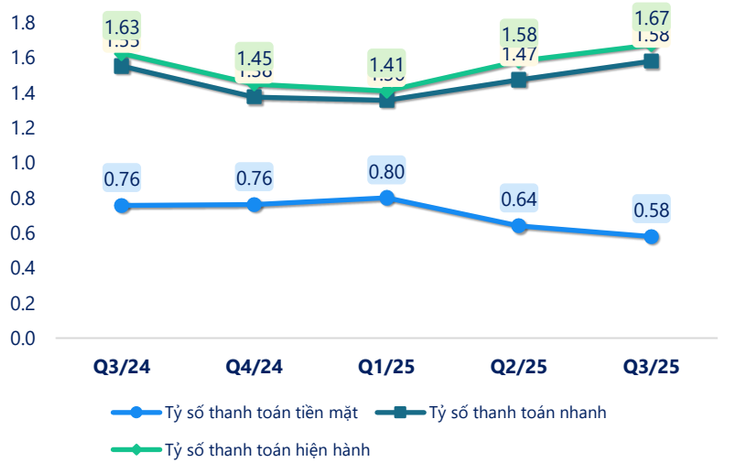

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



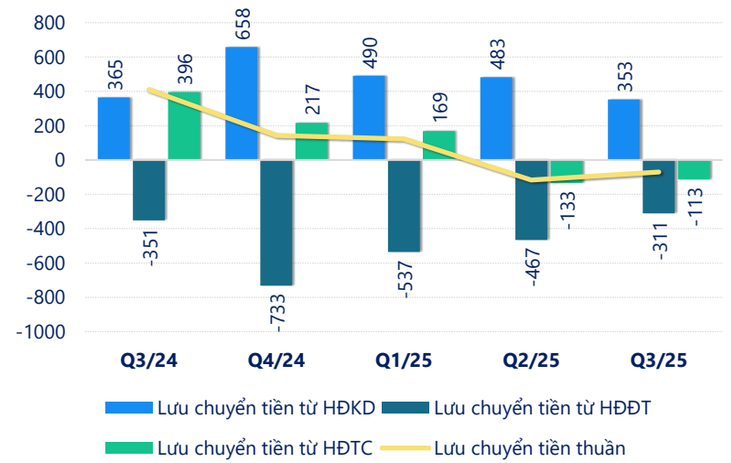

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

FireAnt

# CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HSX: HAH)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 30/9/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **8,265** | **7,290** | **13.4%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 2,475 | 1,753 | 41.2% |
| Tiền và tương đương tiền | 857 | 922 | -7.1% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 37.5 | 70.5 | -46.8% |
| Phải thu ngắn hạn | 1,352 | 504 | 168% |
| Hàng tồn kho | 138 | 87.8 | 56.8% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 91.9 | 168 | -45.4% |
| **Tài sản dài hạn** | **5,790** | **5,537** | **4.6%** |
| Phải thu dài hạn | 113 | 113 | 0.0% |
| Tài sản cố định | 4,795 | 4,775 | 0.4% |
| Bất động sản đầu tư | 14.9 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 89.7 | 20.8 | 331% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 192 | 174 | 10.4% |
| Tài sản dài hạn khác | **585** | **382** | **53.3%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 72.3 | -100% |
| **Nợ phải trả** | 3,230 | 3,318 | -2.6% |
| **Nợ ngắn hạn** | **1,479** | **1,210** | **22.2%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 640 | 532 | 20.2% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 245 | 206 | 19.4% |
| **Nợ dài hạn** | 1,751 | 2,108 | -16.9% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 1,442 | 1,798 | -19.8% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **5,035** | **3,972** | **26.8%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **5,035** | **3,972** | **26.8%** |
| Vốn điều lệ | 1,689 | 1,213 | 39.2% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 1,129 | 1,211 | 1,169 | 1,275 | 1,348 |
| Giá vốn hàng bán | 736 | 692 | 784 | 708 | 852 |
| **Lợi nhuận gộp** | 392 | 518 | 385 | 567 | 496 |
| Doanh thu HĐTC | 7.77 | 8.15 | 12.1 | 13.5 | 14.3 |
| Chi phí TC | 34.2 | 31.0 | 36.5 | 39.0 | 33.5 |
| **Chi phí lãi vay** | 28.0 | 31.9 | 33.8 | 32.6 | 30.3 |
| LN trong công ty LKLD | 5.81 | 6.26 | 5.39 | 5.69 | 7.02 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 45.9 |
| Chi phí QLDN | 45.7 | 86.8 | 33.8 | 32.0 | 0 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 326 | 415 | 332 | 515 | 438 |
| Lợi nhuận khác | -4.64 | 3.35 | 0.94 | -2.04 | -2.76 |
| **LN trước thuế** | 321 | 418 | 333 | 513 | 435 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 277 | 348 | 274 | 414 | 353 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 199 | 280 | 233 | 362 | 304 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 365 | 658 | 490 | 483 | 353 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -351 | -733 | -537 | -467 | -311 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 396 | 217 | 169 | -133 | -113 |
| Tiền đầu kỳ | 368 | 775 | 922 | 1,045 | 929 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **410** | **143** | **122** | **-117** | **-71.0** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | -2.97 | 4.34 | 0.87 | 0.74 | -1.32 |
| Tiền cuối kỳ | 775 | 922 | 1,045 | 929 | 857 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic